TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-5-2022
"V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị M- anh L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Đức

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Gia Khải.

2. Bà Phạm Thị Loan.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐHPT-ST ngày 04/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị M, sinh năm 1986

Sinh quán: Xóm A, xã Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn D, xã S, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985

ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn D, xã S, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh L*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 23/5/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và lao động tự do tại tỉnh Bình Dương đến tháng 01/2019 thì trở về xã S, huyện Q sinh sống. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng tính tình không hợp, anh L không chịu tu chí, hay chơi bời

dẫn đến nợ lần. Từ tháng 10/2019 vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị M khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huỳnh Kh, sinh ngày 05/3/2012 và Nguyễn Huỳnh Tr, sinh ngày 18/8/2014. Hai con chung hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn xảy ra chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị M khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn L: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh L biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh L và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, vì vậy đại diện Viện kiểm sát không đưa ra ý kiến về việc chấp hành pháp luật của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mđược ly hôn anh L; Về con chung xử giao 02 con chung cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung không đặt ra giải quyết; chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn D, xã S, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn L được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 23/5/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị M và anh L sinh sống và lao động tự do tại tỉnh Bình Dương, tháng

01/2019 cả hai trở về xã S, huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống với gia đình anh L. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh L. Còn đối với anh L quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh L biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh L vẫn vắng mặt. Như vậy anh L không có thiện chí hòa giải mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị M. Qua xác minh lời khai bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1944, địa chỉ: Thôn D, xã S là mẹ đẻ anh L và ông Nguyễn Công T là công chức tư pháp xã S đều xác nhận giữa chị M và anh L phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn. Hiện tại anh L đi làm ăn tự do không cố định địa chỉ, nhưng vẫn thường xuyên về nhà tại thôn D, xã S. Quan điểm của bà bà L1và ông T đều đề nghị Tòa án hòa giải để các bên trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị giải quyết yêu cầu ly hôn của chị M theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị M vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn anh L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị M về nuôi dưỡng con chung qua xác minh cho thấy chị M và anh L có 02 con chung là Nguyễn Huỳnh Kh, sinh ngày 05/3/2012 và Nguyễn Huỳnh Tr, sinh ngày 18/8/2014. Hiện tại hai con chung do chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà L1 và ông T đều có ý kiến đề nghị Tòa án căn cứ vào hiện trạng thực tiễn của các bên để giao nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy hiện chị M làm công nhân, có thu nhập ổn định. Qua lấy lời khai cháu Kh và cháu Tr cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy cần xử giao 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị M, anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2/Về con chung: Xử giao 02 con chung Nguyễn Huỳnh Kh, sinh ngày 05/3/2012 và Nguyễn Huỳnh Tr, sinh ngày 18/8/2014 cho chị M được trực tiếp nuôi

dưỡng. Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004576 ngày 20/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *UBND xã Đ, huyện C tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC